TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:157/2023/HS-ST
Ngày: 20/6/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BMT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Trung

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BMT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường A - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 151A/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Thị T**, sinh năm: 1985, tại tỉnh Hà Tĩnh

Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: 08/15A PH, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Kinh doanh, trình độ học vấn: 12/12, Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Học M (đã chết); Con bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1965). Bị cáo có chồng là Nguyễn Hồng A, sinh năm 1979, bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017, Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Minh T, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Số 80 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà H'L, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: T6, phường T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Phan Thị N, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: T17, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (vắng mặt); Địa chỉ: T, phường T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Anh Y Nguyễn P, sinh năm 1992 (vắng mặt); Địa chỉ: T6, phường TA, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ông Nguyễn Hồng A, sinh năm 1979 (có mặt); Địa chỉ: Số 08/15A đường P, phường TA, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Thị T, sinh năm 1985, trú tại 08/15A PH, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vào khoảng đầu năm 2021, Hà Thị T cho nhiều người khác vay tiền với lãi suất cao gấp nhiều lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính. Khi cho vay thì người vay tiền nhận trực tiếp tiền mặt hoặc qua tài khoản ngân hàng sau đó trả tiền gốc và lãi cho T qua số tài khoản: 27313777777 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB), chủ tài khoản: Hà Thị T. Trang thoả thuận với người vay theo nhiều hình thức: vay có thế chấp tài sản hoặc không thế chấp tài sản. Đối với hình thức vay có thế chấp tài sản thì T và người vay sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với tài sản thế chấp của người vay cho T, trong đó số tiền mua bán đất chính là tổng số tiền gốc và số tiền lãi mà T và người vay đã thoả thuận nhằm mục đích hợp thức hoá việc thu tiền lãi suất cao đối với các khoản vay này. Hết thời gian thoả thuận, nếu người vay không trả đủ số tiền gốc và lãi thì người vay và Hà Thị T sẽ thỏa thuận thống nhất việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người vay cho Hà Thị T.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 4/2022, Hà Thị T cho 03 người dân trên địa bàn thành phố B vay tiền với mức lãi suất cao gấp nhiều lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, cụ thể như sau:

1. Anh Phan Minh T, sinh năm: 1981, trú tại: 80 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Khoản vay 01: Ngày 04/01/2021, anh T vay số tiền 100.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng. Thoả thuận lãi suất là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/30 ngày tương ứng với lãi suất 60,83%/năm. Đến ngày 24/02/2021, anh T đã chuyển khoản trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tổng số tiền lãi 10.000.000 đồng cho T.

- Khoản vay 2: Ngày 07/01/2021, anh T vay số tiền 100.000.000 đồng trong thời gian 07 tháng. Thoả thuận lãi suất là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/30 ngày tương ứng với lãi suất 60,83%/năm. Đến ngày 26/4/2022, anh T đã chuyển khoản cho T tổng số tiền lãi là 35.000.000 đồng và số tiền gốc 100.000.000 đồng.

- Khoản vay 03: Ngày 26/8/2021, anh T vay số tiền 500.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày. Thoả thuận lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 146%/năm. Thoả thuận xong T trừ trước 01 tháng tiền lãi nên chuyển khoản cho anh T tổng số tiền 440.000.000 đồng. Khoản vay này anh T đã trả đủ tiền gốc cho T, số tiền thu lợi chính đáng là 8.219.178 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 51.780.822 đồng.

- Khoản vay 04: Ngày 14/12/2021, anh T vay số tiền 200.000.000 đồng trong thời gian 11 ngày. Thoả thuận lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 146%/năm. Đến ngày 24/12/2021, anh T đã chuyển khoản trả cho T số tiền 208.800.000 đồng (trong đó, số tiền lãi sau 11 ngày là 8.800.000 đồng) từ số tài khoản 0231000186888, Ngân hàng Vietcombank của anh T. Số tiền lãi chính đáng là 1.205.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.594.521 đồng.

- Khoản vay 05: Ngày 25/12/2021, anh T vay số tiền 300.000.000 đồng trong thời gian 29 ngày, thoả thuận lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 146%/năm. Đến ngày 24/01/2022, anh T nhắn tin cho T để trả tiền gốc và lãi nhưng không liên lạc được nên anh T đã chuyển khoản tổng số tiền 334.800.000 đồng (trong đó, tiền lãi của 29 ngày là 34.800.000 đồng) đến tài khoản số 27607999999, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB) cho chồng của T là anh Nguyễn Hồng A, sinh năm: 1979 và nói đây là số tiền anh T chuyển để trả cho T thì anh Hồng A đồng ý và anh Hồng A đã chuyển khoản lại số tiền này vào tài khoản của Hà Thị T. Số tiền lãi chính đáng là 4.767.123 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 30.032.877 đồng.

- Khoản vay 06: Ngày 28/01/2022, anh T vay số tiền 300.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày. Thoả thuận lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 146%/năm, T trừ luôn tiền lãi 01 tháng (36.000.000 đồng)

và chuyển khoản cho anh T số tiền 264.000.000 đồng. Đến ngày 10/3/2022, anh T nhắn tin cho T để trả cho T tổng số tiền 312.000.000 đồng (trong đó 300.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi của 10 ngày trả chậm) nhưng không liên lạc được với T nên anh T đã chuyển khoản cho anh Nguyễn Hồng A và nói đây là số tiền anh T chuyển để trả cho T thì Hồng A đồng ý và Hồng A đã chuyển khoản lại số tiền này vào tài khoản của Hà Thị T. Như vậy, tổng số tiền lãi của khoản vay này là 48.000.000 đồng. Số tiền lãi chính đáng là 6.575.342 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 41.424.658 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc T cho anh T vay là 1.500.000.000 đồng, tổng số tiền lãi chính đáng là 20.767.123 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 130.832.877 đồng.

2. Bà H'L, sinh năm: 1964, nơi cư trú: T 6, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Khoản vay 1: Khoảng đầu tháng 01 năm 2021, bà H'L hỏi vay của T tổng số tiền 750.000.000 đồng thì T đồng ý và thoả thuận không tính lãi suất đối với khoản vay này. Sau đó, T đưa số tiền 750.000.000 đồng cho bà H'L rồi T cùng bà H'L làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng Đ với số công chứng 008981, quyển số 06/2021 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 393, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 4045 m2 do anh Y Nguyễn, sinh năm: 1992, nơi cư trú: T6, phường TA, thành phố B (là con trai ruột của bà H'L) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS201666. Thoả thuận nếu hết thời gian vay mà bà H'L không trả số tiền gốc cho T thì phải sang nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên cho T. Đến đầu tháng 6/2021, bà H'L đã trả được cho T số tiền là 551.000.000 đồng, đồng thời xin chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì T đồng ý và cho bà H'L nợ lại số tiền 199.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay trước. Sau đó, bà H'L tiếp tục hỏi vay T số tiền 50.000.000 đồng thì T đồng ý nên tổng số tiền gốc bà H'L còn nợ T là 249.000.000 đồng (T làm tròn thành 250.000.000 đồng), thoả thuận lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 73%/năm. Thống nhất sau 08 tháng bà H'L phải trả cả gốc và lãi cho T tổng số tiền 370.000.000 đồng (trong đó có 120.000.000 đồng tiền lãi). Đồng thời, T yêu cầu bà H'L tiếp tục viết giấy nhận tiền bán đất đối với thửa đất số 450, diện tích 1068 m2, địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk do anh Y Nguyễn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 246877. Sau đó, nếu bà H'L không trả đủ số tiền gốc và lãi của khoản vay trên thì phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên

cho T. Đến ngày 28/02/2022, T và bà H'L làm văn bản huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 393 (có công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ). Tháng 4/2022, bà H'L đưa tổng số tiền 370.000.000 đồng cho anh Phan Minh T và nhờ anh T trả số tiền này cho T (do bà H'L không sử dụng tài khoản ngân hàng) thì anh T đồng ý rồi chuyển khoản cho T số tiền 100.000.000 và đưa tiền mặt trực tiếp cho T số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 23/4/2022, T liên lạc với T để trả nốt số tiền 70.000.000 đồng của bà H'L nhưng không liên lạc được nên Tđã chuyển số tiền này cho anh Nguyễn Hồng A và nhờ Hồng A chuyển khoản lại số tiền này cho T thì Hồng A đồng ý và đã chuyển khoản lại số tiền này vào tài khoản của Hà Thị T.

- Khoản vay 2: Vào ngày 14/6/2021, bà H'L cùng chồng là ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1962, đến hỏi vay T số tiền 1.200.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng (60 ngày) thì T đồng ý, thoả thuận lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 146%/năm nên tổng số tiền lãi trong 02 tháng là 288.000.000 đồng. T yêu cầu bà H'L và ông T viết giấy vay tiền và thế chấp sổ đỏ đối với thửa đất số 06B, tờ bản đồ số 11, địa chỉ Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích: 1808,4 m2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN021486 do bà H'L cùng chồng là Nguyễn Văn T đồng sở hữu cho T và chồng là Nguyễn Hồng A. Đồng thời, bà H'L nhờ T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 54, địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích: 2096 m2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP744646 để làm thủ tục tách thửa thì T đồng ý nên hai bên làm chung 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên và thể hiện số tiền mua bán thửa đất số 06B nêu trên là 1.506.000.000 đồng nhằm hợp thức hoá việc vay tiền và che giấu số tiền lãi đã thoả thuận. T cộng thêm 18.000.000 đồng tiền phí làm hồ sơ nên sau 02 tháng (tức đến ngày 14/8/2021) thì bà H'L và ông T phải trả cho T số tiền cả gốc và lãi là 1.506.000.000 đồng. Số tiền thu lợi chính đáng là 39.452.055 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 248.547.945 đồng.

Đến ngày 14/8/2021, do bà H'L không đủ tiền trả cho T nên bà H'L thoả thuận với T xin nợ lại số tiền 1.506.000.000 đồng thì T đồng ý. Thoả thuận lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 146%/năm, khi nào có đủ tiền gốc và lãi thì trả cho T và T sẽ ra văn phòng công chứng chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất của hai thửa đất nêu trên cho vợ chồng bà H'L. Lãi suất tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 14/8/2021 đến ngày 14/9/2021, số tiền gốc cho vay là 1.506.000.000 đồng, lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 146%/năm nên tổng số tiền lãi là (1.506.000.000 x 4000 x 30)/1.000.000 đồng = 180.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 1.686.000.000 đồng. Số tiền thu lợi chính đáng là 24.756.164 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 155.243.836 đồng.

- Từ ngày 14/9/2021 đến ngày 14/10/2021, số tiền gốc cho vay là 1.686.000.000 đồng, lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 146%/năm nên tổng số tiền lãi là (1.686.000.000 x 4000 x 30)/1.000.000 đồng = 202.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 1.888.000.000 đồng. Số tiền thu lợi chính đáng là 27.715.068 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 174.284.932 đồng.

- Từ ngày 14/10/2021 đến ngày 14/11/2021, số tiền gốc cho vay là 1.888.000.000 đồng, lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên tổng số tiền lãi là (1.888.000.000 x 4000 x 30)/1.000.000 đồng = 226.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 2.114.000.000 đồng. Tuy nhiên khi bà H'L đến nhà để trả tiền cho T và xin T cho giảm số tiền 40.000.000 đồng thì T đồng ý nên tổng số tiền gốc và lãi bà H'L phải trả cho T là 2.074.000.000 đồng. Như vậy tổng tiền lãi trong 30 ngày là 186.000.000 đồng tương ứng với lãi suất 119.86%/năm. Số tiền thu lợi chính đáng là 31.035.616 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 154.964.384 đồng.

Sau đó T ra văn phòng công chứng chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên cho hai vợ chồng bà H'L. Tổng số tiền gốc T cho bà H'L vay là 1.200.000.000 đồng, số tiền lãi chính đáng là 122.858.904 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 733.041.096 đồng.

3. Bà Phan Thị N, sinh năm: 1966, nơi cư trú: T17, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay tiền, cụ thể:

Vào đầu năm 2021, bà N vay số tiền 500.000.000 đồng của T và thoả thuận thời gian vay là 02 tháng, lãi suất là 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 127,75%/năm. T trừ trước tiền lãi của 02 tháng là 105.000.000 đồng nên đưa cho bà N số tiền là 395.000.000 đồng; đồng thời T yêu cầu bà N viết 01 giấy bán thửa đất số 75, tờ bản đồ số 31, diện tích 4667m2 tại T17, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho T với số tiền bán thửa đất trên là 500.000.000 đồng nhằm hợp thức hoá việc cho vay tiền và che giấu số tiền lãi cho vay. Sau 02 tháng nếu bà N không trả đủ số tiền gốc là 500.000.000 đồng cho T thì phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho T. Tuy nhiên, hết

thời gian vay bà N chưa trả tiền gốc và lãi cho T nên T không tiếp tục tính lãi nữa, đến nay chị N còn nợ T tổng số tiền gốc và lãi là 500.000.000 đồng và chưa làm thủ tục chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho T. Số tiền thu lợi chính đáng là 16.438.356 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 88.561.644 đồng.

Như vậy, từ đầu năm 2021 đến tháng 02/2022, bị cáo Hà Thị T đã cho anh Phan Minh T, bà H'Lr và bà Phan Thị N vay tiền 09 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là 3.000.000.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 952.435.616 đồng, lãi suất T cho vay thông thường từ 119,86%/năm đến 146%/năm, gấp 6,38 lần đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 163/CT-VKS-HS ngày 19/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BMT, đã truy tố Hà Thị T về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BMT đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Hà Thị T** mức án từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 năm.

-Các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về phần trách nhiệm dân sự:

+ Đề nghị truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 200.000.000 đồng mà bị cáo cho anh Phan Minh T vay vào ngày 04/01/2021 và ngày 07/01/2021; số tiền 250.000.000 đồng mà bị cáo cho bà H'L vay vào tháng 6/2021 và số tiền lãi bị cáo T thu lợi chính đáng từ những khoản vay trên là 47.671.233 đồng, để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với tổng số tiền lãi bị cáo Hà Thị T thu lợi chính đáng theo quy định (20%) từ những khoản tiền cho anh Phan Minh T, bà H'L và bà Phan Thị N vay

là 160.164.384 đồng, nên đề nghị truy thu của bị cáo Hà Thị T để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc và tiền lãi thu lợi bất chính mà anh Phan Minh T đã trả cho bị cáo Hà Thị T, đề nghị:

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 1.300.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo Hà Thị T cho anh Phan Minh T vay, để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 130.832.877 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự và trả lại cho anh Phan Minh T.

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 30.205.479 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và trả cho anh Phan Minh T.

- Đối với số tiền gốc, tiền lãi thu lợi chính đáng và tiền lãi thu lợi bất chính mà bà H'L đã trả cho bị cáo Hà Thị T, đề nghị:

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 1.200.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo Hà Thị T cho bà H'L vay, để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 733.041.096 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự và trả lại cho bà H'L.

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 87.123.288 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và trả cho bà H'L.

- Đối với số tiền gốc, tiền lãi thu lợi chính đáng và tiền lãi thu lợi bất chính mà bà Phan Thị N chưa trả cho bị cáo Hà Thị T, đề nghị:

+ Truy thu của bà Phan Thị N số tiền 500.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo Hà Thị T cho bà Phan Thị N vay, để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 88.561.644 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự và trả lại cho bà Phan Thị N.

- Về phần xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax, màu xanh, số Imei 2: 359456496109290, là tài sản của Hà Thị T sử dụng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo như sau: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2021 đến tháng 2/2022 trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thông qua giao dịch dân sự, bị cáo Hà Thị T đã cho nhiều người dân vay tiền với lãi suất từ 119,86%/năm đến 146%/năm, gấp 6,38 lần đến 7,3 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thì bị phát hiện xử lý. Xác định tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là: 952.435.616 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã thực hiện hành vi cho vay với mức lãi suất cao gấp 6,38 lần đến 7,3 lần so với quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính 952.435.616 đồng. Do đó bị cáo đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Hà Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

"Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng mà còn mang tính chất bóc lột, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải, bị cáo có ông nội là Hà Học T được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến đây cũng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Hà Thị T, một số tiền thích hợp để nộp vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, anh Hồ Minh C, sinh năm: 1989, nơi cư trú: Tổ T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có trình báo việc Hà Thị T cho anh C vay số tiền 1.150.000.000 đồng trong thời gian 01 tháng với lãi suất cao gấp nhiều lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự (4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày); Việc giao dịch giữa T và C tiến hành thoả thuận và viết giấy giao nhận số tiền 1.150.000.000 đồng, xảy ra tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, Hà Thị T khai nhận không có việc cho vay lãi nặng như trên. Cơ quan điều tra đã có công văn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để giải quyết đơn tố giác của anh Hồ Minh C là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Đối với các khoản vay 200.000.000 đồng bị cáo Hà Thị T cho anh Phan Minh T vay vào ngày 04/01/2021 và ngày 07/01/2021, khoản vay 250.000.000 đồng bị cáo T cho bà H'L vay vào tháng 6/2021, do mức lãi suất cho vay đều không vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự nên các khoản vay này đều không đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Căn cứ điểm đ, khoản 4, Điều 12, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của

Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, Công an Tp. B đã có công văn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hà Thị T số tiền 20.000.000 đồng về hành vi *"Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỉ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự"*, áp dụng tình tiết tăng nặng "Vi phạm hành chính nhiều lần" theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Luật số 15 ngày 20/6/2012 của Quốc hội quy định về xử lý vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Hồng A là chồng của bị cáo Hà Thị T, ông Hồng A không thoả thuận lãi suất và không biết việc bị cáo T cho người khác vay tiền với lãi suất cao nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Nguyễn Hồng A là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với khoản vay của bà H'L, khi trả tiền gốc và lãi cho bị cáo T, bà H'L nhờ ông Phan Minh T chuyển khoản cho bị cáo T thì ông T đồng ý nhưng ông T không biết về việc bị cáo T và bà H'L thoả thuận lãi suất cho vay như thế nào, đồng thời ông T cũng không hưởng lợi từ việc này nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Phan Minh T là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3] ***Các biện pháp tư pháp:*** Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Về phần xử lý vật chứng:*

Cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax, màu xanh, số Imei 2: 359456496109290, là tài sản của Hà Thị T sử dụng vào việc phạm tội.

-*Về phần dân sự:*

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 200.000.000 đồng mà bị cáo cho anh Phan Minh T vay vào ngày 04/01/2021 và ngày 07/01/2021; số tiền 250.000.000 đồng mà bị cáo cho bà H' L vay vào tháng 6/2021 và số tiền lãi bị cáo thu lợi chính đáng từ những khoản vay trên là 47.671.233 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền lãi mà bị cáo thu lợi chính đáng theo quy định (20%) từ những khoản tiền cho anh Phan Minh Tiến, bà H'L và bà Phan Thị N vay là 160.164.384 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc và tiền lãi thu lợi bất chính mà anh Phan Minh T đã trả cho bị cáo Hà Thị T cụ thể:

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 1.300.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo Hà Thị T cho anh Phan Minh T vay để sung ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Hà Thị T trả lại số tiền 130.832.877 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự và số tiền 30.205.479 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay không bị truy cứu trách nhiệm hình sự cho anh Phan Minh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Đối với số tiền gốc, tiền lãi thu lợi chính đáng và tiền lãi thu lợi bất chính mà bà H'L đã trả cho bị cáo Hà Thị T cụ thể:

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 1.200.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo T cho bà H'L vay để sung ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Hà Thị T trả lại số tiền 733.041.096 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự và số tiền 87.123.288 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay không bị truy cứu trách nhiệm hình sự cho bà H'L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Đối với số tiền gốc, tiền lãi thu lợi chính đáng và tiền lãi thu lợi bất chính mà bà Phan Thị N chưa trả cho bị cáo Hà Thị T cụ thể:

+ Truy thu của bà Phan Thị N số tiền 500.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo Hà Thị T cho bà Phan Thị N vay để sung ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Hà Thị T trả lại số tiền 88.561.644 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự cho bà Phan Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về án phí: Bị cáo Hà Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: 36.000.000đ + 3% (952.435.616đ – 800.000.000đ) = 40.573.068 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hà Thị T** 2 năm 6 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Hà Thị T cho Uỷ ban nhân dân phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân phường TA để giám sát, giáo dục bị cáo trong suốt thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

*Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Hà Thị T số tiền 35.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

**** Các biện pháp tư pháp***: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Về phần xử lý vật chứng:*

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax, màu xanh, số Imei 2: 359456496109290, là tài sản của Hà Thị T sử dụng vào việc phạm tội.

- *Về phần dân sự:*

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 200.000.000 đồng mà bị cáo cho anh Phan Minh T vay vào ngày 04/01/2021 và ngày 07/01/2021; số tiền 250.000.000 đồng mà bị cáo cho bà H'L vay vào tháng 6/2021 và số tiền lãi bị cáo thu lợi chính đáng từ những khoản vay trên là 47.671.233 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền lãi mà bị cáo thu lợi chính đáng theo quy định (20%) từ những khoản tiền cho anh Phan Minh T, bà H'L và bà Phan Thi N vay là 160.164.384 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 1.300.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo cho anh Phan Minh T vay để sung ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Hà Thị T trả lại số tiền 130.832.877 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự và số tiền 30.205.479 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay không bị truy cứu trách nhiệm hình sự cho anh Phan Minh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

+ Truy thu của bị cáo Hà Thị T số tiền 1.200.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo Trang cho bà H'L vay để sung ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Hà Thị T trả lại số tiền 733.041.096 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự và số tiền 87.123.288 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay không bị truy cứu trách nhiệm hình sự cho bà H'L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

+ Truy thu của bà Phan Thị N số tiền 500.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo Hà Thị T cho bà Phan Thị N vay để sung ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Hà Thị T trả lại số tiền 88.561.644 đồng là khoản thu lợi bất chính đối với các khoản vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự cho bà Phan Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

**Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hà Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 40.573.068 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**** Nơi nhận:***
- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. BMT;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh